

Kính gửi: Tổng cục Thi hành án dân sự

*C. Đình Minh*

*Đã tiến hành gửi hồ sơ*

*N 22/5/17*

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 692/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi giải quyết của Bộ Tư pháp

**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

ĐẾN SỐ: 1.2066  
Ngày: 19/5  
Chuyển: *10*  
Lưu hồ sơ số: .....

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi giải quyết của Bộ Tư pháp.

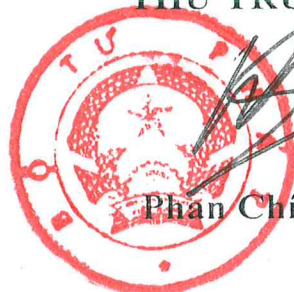
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Công thông tin điện tử (để công khai);
- Lưu VT, Vụ CVĐCXDPL (5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Phan Chí Hiếu**

*ke vu*

*đi xu*

*truen khai*

*thue bin*

*ky core*

*mai 29/5*



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT**  
**Phụ lục**  
**QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 692/QĐ-BTP ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

| TT                              | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết | TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích | TTHC không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích |
|---------------------------------|---|---|---|---|
| <b>I</b>                        |   |   |   |   |
| <b>Lĩnh vực Lý lịch tư pháp</b> |   |   |   |   |
| 1                               | Cấp phiếu Lý lịch tư pháp cho người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam   | Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp  | X   |   |
| 2                               | Cấp phiếu Lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú)                   | Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp  | X   |   |
| 3                               | Cấp phiếu Lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được thường trú hoặc nơi tạm trú, người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam) | Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp  | X   |   |
| <b>II</b>                       |   |   |   |   |
| <b>Lĩnh vực nuôi con nuôi</b>   |   |   |   |   |
| 1                               | Cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam  | Cục con nuôi, Bộ Tư pháp                        | X   |   |
| 2                               | Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam  | Cục con nuôi, Bộ Tư pháp                        | X   |   |
| 3                               | Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước tại Việt Nam  | Cục con nuôi, Bộ Tư pháp                        | X   |   |
| 4                               | Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài   | Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Bộ      |   | X   |

|            |  |                                |   |   |
|------------|--|--------------------------------|---|---|
|            |  | ngoại giao                     |   |   |
| 5          | Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi  | Cục con nuôi, Bộ Tư pháp       | x |   |
| 6          | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em   | Cục con nuôi, Bộ Tư pháp       |   | x |
| 7          | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi và người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ tháng 12 trở lên nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi | Cục con nuôi, Bộ Tư pháp       |   | x |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật</b>  |                                |   |   |
| 1          | Công nhận báo cáo viên pháp luật   | Bộ Tư pháp                     | x |   |
| 2          | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật  | Bộ Tư pháp                     | x |   |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực Luật sư</b>  |                                |   |   |
| 1          | Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư  | Cục hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp |   | x |
| 2          | Cấp Chứng hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư   | Cục hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp |   | x |
| 3          | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư tại các điểm a,b,c,e và k khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư   | Cục hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp |   | x |
| 4          | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư  | Cục hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp |   | x |
| 5          | Cấp lại chứng chỉ hành nghề luật sư đối với  | Cục hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp |   | x |

| <b>XIII</b> |   | <b>Lĩnh vực thi hành án dân sự</b> |   |
|-------------|---|------------------------------------|---|
| 1           | <b><i>Thủ tục hành chính cấp TW</i></b>   |                                    |   |
| 1.1         | Giải quyết khiếu nại về Thi hành án dân sự (lần 1)  | Tổng cục thi hành án dân sự        | X |
| 1.2         | Giải quyết khiếu nại về Thi hành án dân sự (lần 2)  | Tổng cục thi hành án dân sự        | X |
| 1.3         | Giải quyết tố cáo về Thi hành án dân sự   | Tổng cục thi hành án dân sự        | X |
| 1.4         | Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của hệ thống tổ chức THADS (lãnh đạo Tổng cục; Vụ trưởng hoặc tương đương; Phó Vụ trưởng hoặc tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng; Chi cục trưởng Chi cục THADS) | Tổng cục thi hành án dân sự        | X |
| 1.5         | Tư chức đối với chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tổng Cục trưởng Tổng cục THADS  | Tổng cục thi hành án dân sự        | X |
| 1.6         | Miễn nhiệm đối với chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tổng Cục trưởng Tổng cục THADS   | Tổng cục thi hành án dân sự        | X |
| 1.7         | Bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp qua thi tuyển  | Tổng cục thi hành án dân sự        | X |
| 1.8         | Bổ nhiệm Chấp hành viên đối với trường hợp quy định tại các khoản 6,7 Điều 18 Luật thi hành án dân sự   | Tổng cục thi hành án dân sự        | X |
| 1.9         | Bổ nhiệm Chấp hành viên không qua thi tuyển thuộc địa bàn biên giới, đảo, vùng có điều  | Tổng cục thi hành án dân sự        | X |

|      |   |                            |   |   |
|------|---|----------------------------|---|---|
|      | kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn   |                            |   |   |
| 2    | <b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện</b>                                     |                            |   |   |
| 2.1  | Xác nhận kết quả Thi hành án  | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |
| 2.2  | Trả lại tiền, tài sản tạm giữ cho đương sự  | Cục và Chi cục thi hành án |   | X |
| 2.3  | Trả lại tài sản, giấy tờ tạm giữ để thi hành án                                   | Cục và Chi cục thi hành án |   | X |
| 2.4  | Yêu cầu thay đổi Chấp hành viên   | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |
| 2.5  | Yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án                | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |
| 2.6  | Yêu cầu định giá tài sản khi có thay đổi giá trị tại thời điểm thi hành án        | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |
| 2.7  | Đề nghị miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu, nộp ngân sách nhà nước | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |
| 2.8  | Thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án  | Cục và Chi cục thi hành án |   | X |
| 2.9  | Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu   | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |
| 2.10 | Đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án                                  | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |
| 2.11 | Đề nghị miễn, giảm phí thi hành án  | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |
| 2.12 | Yêu cầu định giá lại tài sản thi hành án  | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |
| 2.13 | Nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án                          | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |
| 2.14 | Giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự (lần                                   | Cục và Chi cục thi hành án | X |   |

|      |   |                            |   |  |
|------|---|----------------------------|---|--|
|      | 1. lần 2)                               | án                         |   |  |
| 2.15 | Giải quyết tố cáo về thi hành án dân sự | Cục và Chi cục thi hành án | x |  |

